

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/HS-PT
Ngày: 14 tháng 8 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Bích Liễu;

Bà Lương Ngọc Yến Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngô Thị Trúc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 105/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Lê Trung T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. LÊ TRUNG T, sinh năm: 2005, tại tỉnh Khánh Hòa, Giới tính: Nam;
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nay là: Thôn Đ, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Trung B và bà Phạm Thị P; V là: Lê Thị Thanh T1 và 01 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ, Tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ DUY K, sinh ngày: 14/01/2006, tại tỉnh Khánh Hòa, Giới tính: Nam;
Nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nơi ở hiện nay: Khu phố E, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nay là: Khu phố E, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: (Không rõ) và bà Lê Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ, Tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

3. ĐINH TRƯƠNG NGỌC H3 (tên gọi khác: Bi C), sinh ngày: 16/6/2006, tại tỉnh Khánh Hòa, Giới tính: Nam;

(Khi thực hiện hành vi phạm tội: 17 tuổi 7 tháng 27 ngày, đến ngày xét xử phúc thẩm: 19 tuổi 1 tháng 29 ngày)

Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nay là: Khu phố A, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đinh Ngọc T2 và bà Trương Thị P1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ, Tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

4. TRẦN GIA K1 (tên gọi khác: N), sinh ngày: 16/12/2006, tại tỉnh Khánh Hòa, Giới tính: Nam;

(Khi thực hiện hành vi phạm tội: 17 tuổi 1 tháng 27 ngày, đến ngày xét xử phúc thẩm: 18 tuổi 7 tháng 29 ngày)

Nơi cư trú: Khu phố E, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nay là: Khu phố E, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Trung H1 và bà Trần Thị Công L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân:

Tại quyết định số 126/QĐ-XPHC ngày 22/02/2024, bị Công an huyện N xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Mang theo trong người vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng” vào ngày 05/02/2024.

Tạm giữ, T3 giam: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

5. NGUYỄN VĂN H2, sinh ngày: 14/06/2007, tại tỉnh Khánh Hòa, Giới tính: Nam;

(Khi phạm tội được 16 tuổi 7 tháng 29 ngày. Đến ngày xét xử phúc thẩm được

18 tuổi 1 tháng 17 ngày)

Nơi cư trú: Khu phố F, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nay là: Khu phố F, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Q; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân:

Tại quyết định số 129/QĐ-XPHC ngày 22-02-2024, bị Công an huyện N xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Mang theo trong người vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng” vào ngày 05/02/2024.

Tạm giữ, T3 giam: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H2: Ông Đỗ Thanh L1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K.*

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Gia K1 và Đinh Trương Ngọc H3: Bà Hoàng Thị Thanh T4 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K.*

Có mặt tại phiên tòa

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn H2, có kháng cáo: bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1979*

Nơi cư trú: Khu phố F, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nay là: Khu phố F, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Hồ Tấn Trọng N, Trần Đại L2, Phan Minh P2, Nguyễn Anh K2, Lê Minh H4, Trần Mã Thiện M; Bị hại: Phạm Nguyễn Hữu K3; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị; Không liên quan đến kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 11/02/2024, Lê Trung T đang ở nhà chơi với bạn là Hồ Thái S và Phan Văn Ngọc Q1, thì có Phạm Nguyễn Hữu K3 gọi điện thoại đến nói chuyện với T thì phát sinh mâu thuẫn, chửi nhau nên cả hai hẹn gặp tại đường hai chiều thuộc khu phố D, thị trấn P, huyện N để giải quyết mâu thuẫn.

T gọi điện cho Nguyễn Ngọc Đ, rủ Đ cùng đi tìm đánh K3. Lúc này, Đ đang ở nhà Lê Minh H4 cùng với Trần Gia K1, Lê Duy K, Trần Đại L2, Nguyễn Anh K2, Trần Mã Thiện M, Đinh Trương Ngọc H3 và Hồ Tấn Trọng N. Đ rủ mọi người cùng đến nhà T, để cùng đi tìm đánh K3 thì tất cả đồng ý. H4 lấy ra 01 cây cào cỏ và 01 cái xẻng, sau đó H4 cầm cây cào cỏ, K2 cầm cái xẻng, Đ ôm 01 két bia Miền T5 lấy từ nhà H4, rồi tất cả cùng đến nhà T.

Sau khi gọi điện cho Đ, T gọi cho Phan Minh P2 rủ đi đánh nhau, thì P2 đồng ý. Sau đó, T tiếp tục gọi điện cho Nguyễn Văn H2 rủ đi đánh nhau và nói H2 chở P2 cùng đi. Lúc này, H2 đang ở cùng Trần Văn V1, Trương Đình T6 và Nguyễn Ngọc Minh T7 nên H2 rủ cùng đi. T7 và T6 đã đi cùng 01 xe mô tô đến nhà T trước, còn H2 điều khiển xe mô tô chở V1 đến nhà P2 để chở P2 đi cùng.

Khoảng 03 giờ ngày 12 – 02 - 2024, khi nhóm của Đ cùng T7 và T6 đến nhà T, T đã chuẩn bị sẵn dao, mỏ gậy (cây xóc rơm) và chai bia thủy tinh. Lúc này T điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau cầm 01 con dao; K2 điều khiển xe mô tô chở N ngồi sau cầm xẻng và H4 cầm 01 cây cào cỏ; L2 điều khiển xe mô tô chở K cầm 02 con dao; K1 điều khiển xe mô tô chở T7 ngồi sau ôm 01 két vỏ chai bia; H3 điều khiển xe mô tô chở T6 ngồi sau ôm 01 két vỏ chai bia và M cầm 01 con dao; S điều khiển xe mô tô chở Q1 cầm 01 cây mỏ gậy đến đường hai chiều để tìm K3 thì cả nhóm gặp H2 điều khiển xe mô tô chở V1 và P2 cầm dao đi ra.

Sau đó cả nhóm đi tìm K3 tại đường hai chiều nhưng không thấy nên đã chia làm 02 nhóm: T điều khiển xe mô tô chở Đ, H2 điều khiển xe mô tô chở V1 và P2 đi về hướng cổng làng B; những người còn lại đi vào đường M rẽ qua đường bên hông khách sạn S1, thuộc khu phố E, thị trấn P, huyện N để tìm K3.

Khi nhóm T đến cổng làng B thì thấy anh K3 đang điều khiển xe mô tô chạy đến, T la lên “nó kia” thì P2 hỏi “Phải nó không”, T nói “phải, nó đó”, P2 nói “chém nó” rồi P2 và Đ xuống xe lao đến chém K3, Đ chém 01 cái thì K3 dùng tay trái đưa lên đỡ được. Sau đó K3 bỏ xe chạy qua đường Q, nhóm T đuổi theo đến trước khách sạn S1 thì K3 bị ngã nằm úp trên đường. Lúc này, nhóm đối tượng đi từ đường bên hông khách sạn cũng vừa đến. Đ cầm dao lao đến chém trúng tay K3; N cầm cây xẻng đập lưng K3; Q2 cầm mỏ gậy đâm vào người K3; P2 cầm dao chém vào người K3; H2 giật lấy dao từ tay V1 để chém trúng chân K3; K dùng tay chân đánh liên tiếp vào người K3; K1 điều khiển xe mô tô tông 02 cái vào bên hông người K3; H3, T7 và T6 cầm vỏ chai bia ném K3; còn những người còn lại ở ngoài không tham gia đánh K3. Sau khi thấy K3 đã nằm yên, nhóm của T lên xe đi về nhà T để cất hung khí, K đã ném 02 con dao xuống sông L. Anh K3 được người dân đưa đến bệnh viện để cấp cứu.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số số 85, ngày 27/3/2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh N: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Nguyễn Hữu K3 tại thời điểm giám định là 15%. Vết thương qua điều trị nhận định do vật sắc gây nên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa) đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Trung T, Lê Duy K, Đinh Trương Ngọc H3, Trần Gia K1, Nguyễn Văn H2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

1. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Lê Trung T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Lê Duy K 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Trần Gia K1 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Đinh Trương Ngọc H3 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

5. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 6 bị cáo khác là Hồ Tấn Trọng N, Trần Đại L2, Phan Minh P2, Nguyễn Anh K2, Lê Minh H4, Trần Mã Thiện M; Về trách nhiệm dân sự; Xử lý vật chứng; Án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

** Phần kháng cáo:*

- Ngày 10/4/2025, bị cáo Đinh Trương Ngọc H3 kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 10/4/2025, bị cáo Trần Gia K1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 17/4/2025, bà Nguyễn Thị Q mẹ ruột bị cáo Nguyễn Văn H2 (đại diện hợp pháp của bị cáo) kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn H2 được hưởng án treo.

Nộp Biên lai thu tiền số 0002095 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, số tiền 200.000 đồng.

- Ngày 21/4/2025, bị cáo Lê Trung T kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 23/4/2025, bị cáo Lê Duy K kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội giống với bản án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Trung T, Lê Duy K, Nguyễn Văn H2 (do bà Nguyễn Thị Q đại diện), Đinh Trương Ngọc H3, Trần Gia K1 là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Hành vi của bị cáo Lê Trung T và các bị cáo khác phạm tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp có tính chất côn đồ và sử dụng hung khí nguy hiểm. Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 BLHS xử phạt các bị cáo Trần Đại L2, Nguyễn Anh K2, Lê Minh H4, Trần Mã Thiện M hình phạt tù cho hưởng án treo. Bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, d khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa), giao cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

** Người bào chữa cho bị cáo H2 trình bày ý kiến (bản bào chữa gửi cho Hội*

đồng xét xử).

Bị cáo Nguyễn Văn H2 có nhân thân xấu do có 01 lần bị Công an huyện N xử phạt Vi phạm hành chính (ngày 22/02/2024). Thời điểm phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Có các tình tiết giảm nhẹ: Tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả xảy ra; thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận; bị hại có đơn xin bãi nại. Các tình tiết trên quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại cũng có một phần lỗi. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 BLHS nên đủ điều kiện để xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt nằm trong khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cân nhắc quyết định: Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ mức hình phạt so với mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo, tạo điều kiện và động lực để bị cáo phấn đấu cải tạo thành người tốt, sớm trở về với gia đình, xã hội.

** Người bào chữa cho bị cáo H3, K1 trình bày ý kiến.*

Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không có bàn bạc từ trước. H3, K1 phạm tội khi chưa thành niên. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ. Tại giai đoạn phúc thẩm: bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Khương khắc phục thêm 3 triệu đồng. Gia đình bị cáo H3 có khó khăn, cha mẹ ly hôn, bị cáo là lao động chính, cha K1 có công với đất nước. Độ tuổi của các bị cáo chưa nhận thức đầy đủ hành vi. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo H3, K1 mức án thấp nhất.

- *Bị cáo nói lời sau cùng:* các bị cáo ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo để làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các bị cáo Lê Trung T, Lê Duy K, Nguyễn Văn H2 (do bà Nguyễn Thị Q đại diện), Đinh Trương Ngọc H3, Trần Gia K1 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H2 dù đã được triệu tập hợp lệ. Người bào chữa có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi trước

bản bào chữa. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H2 đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người bào chữa theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trung T, Lê Duy K, Nguyễn Văn H2, Đinh Trương Ngọc H3, Trần Gia K1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống với bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 03 giờ ngày 12/02/2024, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ khi nói chuyện qua điện thoại, Lê Trung T đã rủ rê Hồ Tấn Trọng N, Lê Duy K, Đinh Trương Ngọc H3, Trần Gia K1, Nguyễn Văn H2, Trần Đại L2, Nguyễn Anh K2, Lê Minh H4 và Trần Mã Thiện M, chuẩn bị hung khí: dao, mỏ gậy, xẻng, chai bia thủy tinh, chạy xe máy đi tìm và đuổi đánh anh Phạm Nguyễn Hữu K3 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15% .

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Trung T, Lê Duy K, Nguyễn Văn H2, Đinh Trương Ngọc H3, Trần Gia K1 và các bị cáo khác về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tuy nhiên, tại Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 15/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Khánh Hòa) (BL 685a – 685f) đã truy tố 11 bị cáo Lê Trung T, Hồ Tấn Trọng N, Trần Đại L2, Phan Minh P2, Lê Duy K, Nguyễn Anh K2, Đinh Trương Ngọc H3, Lê Minh H4, Trần Gia K1, Nguyễn Văn H2 và Trần Mã Thiện M về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 BLHS.

[3.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát luận tội: vẫn giữ nguyên việc truy tố đối với các bị cáo theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Đại L2, Nguyễn Anh K2, Lê Minh H4, Trần Mã Thiện M hình phạt tù cho hưởng án treo (BL 862 – 873).

[3.2] Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không đánh giá tính chất mức độ, hành vi của các bị cáo Trần Đại L2, Nguyễn Anh K2, Lê Minh H4, Trần Mã Thiện M “Có tính chất côn đồ” hay không? Nhưng khi quyết định hình phạt vẫn căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Trần Đại L2, Nguyễn Anh K2, Lê Minh H4, Trần Mã Thiện M hình phạt tù cho hưởng án treo; Là không phù hợp với hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo”, tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10

– 7 - 2025;

Việc quyết định hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo này tạo sự không công bằng giữa các bị cáo trong cùng vụ án.

[3.3] Đối với các bị cáo Trần Đại L2, Nguyễn Anh K2, Lê Minh H4, Trần Mã Thiện M không có kháng cáo, kháng nghị liên quan đến việc quyết định hình phạt của các bị cáo này nên Cấp phúc thẩm không thể xem xét quyết định thay cấp sơ thẩm.

[3.4] Cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử và sai lầm trong áp dụng pháp luật, cấp phúc thẩm không khắc phục được nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành phần Hội đồng xét xử mới như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa.

[3.5] Do hủy bản án hình sự sơ thẩm để xét xử lại nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo Lê Trung T, Lê Duy K, Nguyễn Văn H2 (do bà Nguyễn Thị Q đại diện), Đinh Trương Ngọc H3, Trần Gia K1.

[4] Về án phí phúc thẩm: Hủy án sơ thẩm để xét xử lại nên các bị cáo kháng cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 06/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa);

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm với Hội đồng xét xử mới theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14 tháng 8 năm 2025).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa (PC10);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa (PV06);
- TAND Khu vực 8 - Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 8- Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo kháng cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Bách